

Bản án số: 36/2025/KDTM-PT
Ngày: 16-9-2025
Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Thanh
Ông Đinh Tiên Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 8 năm 2025, ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2025/TLPT-KDTM, ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/KDTM-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức (Toà án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2025/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A đường T, phường B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Minh B – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị Ngọc T, Cán bộ QLNCVĐ – Chi nhánh 6 Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Tấn Đ, Phó Giám đốc – Chi nhánh 6 Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Mai Thị Phương T1, Chuyên viên pháp chế - Văn phòng đại diện V tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ liên hệ: Số F, đường N, Phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 38/UQ-CN6-TH ngày 03/9/2025).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

1. Luật sư Nguyễn Tuyết N
2. Luật sư Đỗ Doãn Đ1

Công ty L, Đoàn Luật sư Thành phố H.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần X.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường H ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Xuân D, Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Mỹ O, Chuyên viên pháp lý thuộc Ban pháp chế của Công ty.

Địa chỉ: Số B đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 04/3/2025).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty Cổ phần X.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức (Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/01/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C do người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc T và ông Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Công ty Cổ phần X (sau đây viết tắt là Công ty X) vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh 6 Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là V1 – CN 6) theo Hợp đồng tín dụng số 020503 TD-TT/TTCN-92 ngày 23/3/1992.

- Mục đích vay: thanh toán công nợ (TTCN) giai đoạn I.

- Số tiền vay: 1.927.368.858 đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm năm mươi tám đồng).

- Thời hạn vay: từ ngày 23/3/1992 đến 23/3/1993.

- Ngày 24/03/1993, Công ty X đã trả nợ 215.000.000 đồng nợ gốc cho V1 – CN 6, số nợ gốc còn lại là 1.712.386.858 đồng. Công ty đề nghị được gia hạn nợ và đã được Ngân hàng Nhà nước Thành phố H (“NHNN”) gia hạn đến 31/12/2001. Thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng TMCP C (“NHCT VN”), ngày 30/12/2004, thì V1 – CN 6, đã chuyển khoản vay TTCN giai đoạn I của Công ty X sang nợ quá hạn.

- Ngày 30/12/2008, Công ty X đã thanh toán số tiền 1.712.368.858 đồng nợ gốc cho Ngân hàng và đề nghị được xoá toàn bộ nợ lãi của khoản vay nói trên, do Công ty không hạch toán khoản lãi vay này trong sổ sách kế toán nên Công ty không chấp nhận khoản lãi vay thanh toán công nợ TTCN giai đoạn I. Ngân hàng V1 – CN 6 không chấp nhận đề nghị này do Công ty X đã vi phạm cam kết tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng số 020503 TD-TT/TTCN-92 ngày 23/3/1992.

- Đến năm 2009, theo chỉ đạo của Chính P và thực hiện các công văn hướng dẫn của N1, NHCT VN, theo quyết định 1166/QĐ-NHNN ngày 15/5/2009 V/v xử

lý nợ vay TTCN tại N1, V1 – CN 6 đã lập hồ sơ và trực tiếp làm việc với Liên bộ về việc xin xử lý xoá nợ lãi vay TTCN giai đoạn I cho Công ty X. Sau thời gian xem xét hồ sơ, N1 cho phép V1 – CN 6 xử lý xoá nợ lãi vay TTCN giai đoạn I đến 31/12/2006 cho Công ty X là 3.077.934.236 đồng. Như vậy, tính đến ngày 31/12/2006, nợ của Công ty X:

Nợ lãi đã được xoá là 3.077.934.236 đồng; nợ gốc vẫn còn là 1.712.368.858 đồng; khoản nợ lãi là 499.326.760 đồng (từ ngày 01/01/2007 đến 30/12/2008 - ngày trả hết nợ gốc) là do phát sinh từ nợ gốc 1.712.368.858 đồng, và cho đến thời điểm hiện tại, khoản nợ lãi này chưa được Công ty X tất toán cho V1 – CN 6 và đã trở thành nợ nhóm 5.

Theo biên bản làm việc ngày 16/7/2018 giữa đại diện Công ty X và V1 – CN 6 có chữ ký xác nhận của ông Chu Quang H (được Chủ tịch Công ty X ủy quyền theo số GUQ/HĐQT/NB1807029 ngày 16/7/2018), ghi nhận phần ý kiến của Công ty X “ ..., trong đó có Công ty Cổ phần X được xoá nợ lãi: 3.077.934.236 đồng tính đến ngày 31/12/2006”. Do đó, Công ty X đã thừa nhận khoản nợ 3.077.934.236 đồng là Công ty được xoá nợ lãi, không phải xoá nợ gốc và chỉ xoá lãi đến ngày 31/12/2006. Vì vậy, nợ gốc của Công ty X vẫn còn và sau ngày 31/12/2006 Công ty vẫn chưa trả được hết nợ gốc nên nợ lãi vẫn phát sinh cho đến tận ngày 30/12/2008 là ngày Công ty trả hết nợ gốc. Bên cạnh đó, cũng chính trong đơn khiếu nại số CV/BITEX/ĐT 2308121 ngày 28/8/2023 gửi Thống đốc Ngân hàng N, Công ty X ghi nội dung “*Kính đề nghị Thống đốc Ngân hàng N xem xét giải quyết: B2 không phải trả khoản tiền lãi 499.326.760 đồng từ ngày 01/01/2007 đến 30/12/2008 theo đúng quy định tại Quyết định số 1166/QĐ-NHNN ngày 15/5/2006 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước*”.

Trong lời đề nghị này Công ty X đã thừa nhận rằng Công ty đang có một nghĩa vụ là phải thanh toán khoản tiền lãi 499.326.760 đồng từ ngày 01/01/2007 đến 30/12/2008, nhưng Công ty yêu cầu Ngân hàng xem xét xoá bỏ nghĩa vụ thanh toán đang tồn tại nhưng không có bất kỳ văn bản nào của N1 quy định xoá nợ cho doanh nghiệp, mà cho đến 15/05/2009 mới có Quyết định số 1166/QĐ-NHNN. Cũng như đến thời điểm hiện tại, V1 – CN 6 cũng không nhận được bất kỳ văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền quy định việc xoá khoản nợ lãi này cho Công ty X. Cũng trong đơn khiếu nại số CV/BITEX/ĐT 2308121 ngày 28/8/2023 này, Công ty X đã thừa nhận việc các bên đã trao đổi về khoản tiền lãi 499.326.760 đồng từ rất lâu trước đây nhưng cho rằng đã xoá nợ lãi không chấp nhận trả, cụ thể:

Từ ngày 07/6/2018, V1 – CN 6 đã có công văn số 593/CV-CN6 trả lời không chấp nhận đề nghị của Công ty X về việc xoá nợ treo trên mạng CIC, vì lý do Công ty vẫn còn khoản nợ lãi 499.326.760 đồng.

Ngày 20/6/2018, Ngân hàng cũng có văn bản số 660/CV-CN6 trả lời văn bản khiếu nại công văn số 593/CV-CN6 của Công ty X là “*Trường hợp của Công ty CP X là được xoá nợ lãi 3.077.934.236 đồng, không phải xoá nợ gốc nên không thuộc đối tượng quy định tại Điều 3, Quyết định 1166/QĐ-NHNN ngày 15/5/2009*”.

Sau đó, các bên vẫn tiếp tục trao đổi với nhau bằng văn bản nhiều lần nhưng phía Công ty X vẫn không có động thái nào trong việc tất toán khoản tiền lãi 499.326.760 đồng này cho V1 – CN 6.

- Với mong muốn giải quyết dứt điểm khoản nợ lãi này, V1 – CN 6 đã tiếp tục ban hành và nhiều lần gửi văn bản yêu cầu thanh toán nợ vay và thư mời làm việc cho Công ty X, cụ thể:

+ Thông báo số 1716/CV-CN6 ngày 14/10/2022 “Về khoản vay thanh toán công nợ của Công ty CP X”; thư mời làm việc số 1717/CV-CN6 ngày 14/10/2022.

+ Thông báo số 2065b2/CN6-TH “Về khoản vay thanh toán công nợ của Công ty CP X” ngày 24/11/2022.

+ Thông báo số 1261k/TB-CN6-TH “Về khoản vay thanh toán công nợ của Công ty CP X” ngày 12/10/2023.

+ Thông báo số 1352a/TB-CN6-TH “Về khoản vay thanh toán công nợ của Công ty CP X” ngày 09/11/2023; thư mời làm việc số 1352b/TB-CN6-TH ngày 09/11/2023.

+ Thông báo số 1451i/TB-CN6-TH “Về khoản vay thanh toán công nợ của Công ty CP X” ngày 30/11/2023.

+ Thông báo số 1478b/TB-CN6-TH “Về khoản vay thanh toán công nợ của Công ty CP X” ngày 07/12/2023; thư mời làm việc số 1478c/TB-CN6-TH ngày 07/12/2023.

+ Thông báo số 1544/TB-CN6-TH “Về khoản vay thanh toán công nợ của Công ty CP X” ngày 21/12/2023; thư mời làm việc số 1545/TB-CN6-TH ngày 21/12/2023.

+ Thông báo số 81A2/TB-CN6-TH “Về khoản vay thanh toán công nợ của Công ty CP X” ngày 18/01/2024; thư mời làm việc số 81a1/TB-CN6-TH ngày 18/01/2024.

+ Thông báo số 125a/TB-CN6-TH “Về khoản vay thanh toán công nợ của Công ty CP X” ngày 29/01/2024.

+ Thông báo số 174A17/TB-CN6-TH “Về khoản vay thanh toán công nợ của Công ty CP X” ngày 15/02/2024.

+ Thông báo số 257a16/TB-CN6-TH “Về khoản vay thanh toán công nợ của Công ty CP X” ngày 14/3/2024.

+ Thông báo số 370c15/TB-CN6-TH “Về khoản vay thanh toán công nợ của Công ty CP X” ngày 11/04/2024.

+ Thông báo số 456A16/TB-CN6-TH “Về khoản vay thanh toán công nợ của Công ty CP X” ngày 09/5/2024; thư mời làm việc số 456A17/TB-CN6-TH ngày 09/5/2024.

+ Thông báo số 550d13/TB-CN6-TH “Về khoản vay thanh toán công nợ của Công ty CP X” ngày 06/6/2024; thư mời làm việc số 550d12/TB-CN6-TH ngày 06/06/2024.

+ Thông báo số 597B2/TB-CN6-TH “Về khoản vay thanh toán công nợ của Công ty CP X” ngày 20/6/2024; thư mời làm việc số 597B1/TB-CN6-TH ngày 20/6/2024.

+ Thông báo số 729c/TB-CN6-TH “Về khoản vay thanh toán công nợ của Công ty CP X” ngày 29/7/2024; thư mời làm việc số 729d/TB-CN6-TH ngày

29/7/2024.

+ Thông báo số 1112/TB-CN6-TH “Về khoản vay thanh toán công nợ của Công ty CP X” ngày 24/10/2024; thư mời làm việc số 1113/TB-CN6-TH ngày 24/10/2024.

+ Thông báo số 1427p/TB-CN6-TH “Về khoản vay thanh toán công nợ của Công ty CP X” ngày 18/12/2024; thư mời làm việc số 1427q/TB-CN6-TH ngày 18/12/2024.

Tuy nhiên, đến hiện tại, Công ty X vẫn không có bất kỳ phản hồi hay động thái nào cho việc thanh toán khoản nợ trên. Toàn bộ tài sản cố định và tài sản lưu động hợp pháp của Công ty X được dùng làm tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay tại V1 – CN 6 Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình thực hiện quan hệ tín dụng, Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi. Mặc dù, V1 đã nhiều lần yêu cầu Công ty X thực hiện các nghĩa vụ của mình nhưng vẫn không thực hiện được.

Từ những lập luận và chứng cứ như đã trình bày ở trên, V1 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Lức:

1. Buộc Công ty X phải thanh toán cho V1 số tiền nợ lãi phát sinh theo hợp đồng cấp tín dụng trên là 499.326.760 đồng tính từ ngày 01/01/2007 đến 30/12/2008.

2. Nếu Công ty X không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, V1 có quyền yêu cầu tổ chức, cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế, phát mãi tài sản của Công ty để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Sau khi phát mãi tài sản của Công ty X mà Công ty này vẫn chưa trả hết nợ cho V1, Công ty X vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả số nợ còn lại cho V1 cho đến khi hoàn tất. Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thì ngày 23/3/1992 Công ty X ký hợp đồng tín dụng vay tiền để thanh toán công nợ giai đoạn 1, thời hạn vay đến ngày 23/3/1993. Ngày 30/12/2008, Công ty X đã trả hết nợ gốc. Số tiền nợ lãi đã được xóa theo Quyết định số 1166/QĐ-NHNN ngày 15/5/2009 của Ngân hàng N về việc xử lý nợ vay thanh toán công nợ tại Ngân hàng N Chi nhánh Thành phố H. Như vậy, Công ty X đã trả xong nợ gốc từ 30/12/2008 và đã được xóa nợ lãi từ 15/5/2009, hợp đồng tín dụng ký ngày 23/3/1992 đã hết hiệu lực. Công ty xác định Ngân hàng đã xóa toàn bộ lãi 3.077.934.236 đồng nên Công ty X không còn nợ lãi và cũng chưa bao giờ thừa nhận số tiền lãi từ ngày 01/01/2007 đến 30/12/2008 theo như đơn khởi kiện của Ngân hàng. Mặt khác, căn cứ các quy định nêu trên thì đến nay cũng đã hết thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, căn cứ theo Điều 429 Bộ luật Dân sự và điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, Công ty X yêu cầu Quý Tòa ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đã thụ lý nêu trên. Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến hay yêu cầu phản tố.

Vụ án được Toà án cấp sơ thẩm tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2025/KDTM-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An (Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh) đã căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 160, 255, 256 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 145, 155, 157, khoản 2 Điều 164, khoản 1 Điều 166, Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 2, Điều 3 Luật Ngân hàng N năm 2010; Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C đối với bị đơn Công ty Cổ phần X về việc tranh chấp “hợp đồng tín dụng mà cụ thể đòi tiền nợ lãi”.

2. Buộc Công ty Cổ phần X có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP C số tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2007 đến 30/12/2008 còn nợ là 499.326.760 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1. Buộc bị đơn Công ty Cổ phần X phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận với số tiền là 23.973.070 đồng.

3.2. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP C đã nộp là 12.286.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007442 ngày 13/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2025 Công ty X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do Công ty X đã có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án sơ thẩm ra bản án giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện đã hết.

Ngày 11/6/2025 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức (Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh) ban hành Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS ngày 11/6/2025 đối với bản án sơ thẩm, với quan điểm cho rằng, yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của phía bị đơn là có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc Công ty X có nghĩa vụ thanh toán cho V1 số tiền

499.326.760đồng là chưa xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự trong vụ án, Toà án cấp sơ thẩm đồng thời áp dụng pháp luật không đúng.

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự không thoả thuận được với nhau, nguyên đơn V1 do bà Trần Thị Ngọc T, bà Mai Thị Phương T1 và ông Nguyễn Tấn Đ đại diện không rút đơn kháng cáo, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Tuyết N và Luật sư Đỗ Doãn Đ2 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày cho rằng, bản án sơ thẩm nhận định cho rằng Công ty X thừa nhận nợ, và tài sản đang tranh chấp là tài sản phát sinh từ vốn Nhà nước nên không áp dụng thời hiệu do bảo vệ quyền sở hữu là có căn cứ. Theo báo cáo tài chính hợp nhất của nguyên đơn thể hiện vốn điều lệ của Ngân hàng theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 142/GP/NHNN ngày 03/7/2009, Nhà nước nắm giữ 64,46% cổ phần tại V1, phù hợp quy định tại Điều 3 Luật Ngân hàng N năm 2010, phù hợp Điều 155, 164, 166 về bảo vệ quyền sở hữu. Việc thừa nhận nợ của phía bị đơn Công ty X được thể hiện trong Biên bản làm việc ngày 16/7/2018 giữa đại diện Công ty X có chữ ký xác nhận của ông Chu Quang H đại diện cho Công ty X, trong biên bản này ý kiến của Công ty X thừa nhận nợ, thể hiện: “...trong đó có Công ty Cổ phần X được xoá nợ lãi 3.077.934.236đồng tính đến ngày 31/12/2006”. Căn cứ vào Công văn số 7828/NNHNN-TD ngày 09/10/2023 của Ngân hàng N trả lời khiếu nại đối với Công văn ngày 28/8/2023 của Công ty X, Công văn số 3486/TB-CNG-TH ngày 23/02/2023 của V1 liên quan đến khoản vay thanh toán công nợ giai đoạn 1 và xác định Công ty X không được xử lý xoá nợ gốc vay thanh toán công nợ theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 1166/QĐ-NHNN. Do vậy Công ty X không thuộc đối tượng được xử lý xoá số nợ lãi vay thanh toán công nợ phát sinh sau thời điểm 31/12/2006 theo Điều 3 Quyết định số 1166/QĐ-NHNN ngày 15/5/2009. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn Công ty X do bà Lê Mỹ O đại diện không rút đơn kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, trình bày cho rằng, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ Biên bản làm việc ngày 16/7/2018, Văn bản khiếu nại ngày 28/8/2023 của B1 gửi Ngân hàng N để cho rằng B1 thừa nhận nợ nên bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện theo Điều 157 Bộ luật Dân sự là không đúng, vì không có việc B1 thừa nhận nợ lãi thể hiện bằng việc B1 đã làm đơn khiếu nại, còn việc Ngân hàng thông báo nợ lãi là hành vi đơn phương của Ngân hàng. Bản án sơ thẩm còn nhận định rằng do Nhà nước nắm giữ 64,46% cổ phần tại Ngân hàng nên việc Ngân hàng yêu cầu đòi tiền lãi vay theo hợp đồng tín dụng là trường hợp bảo vệ tài sản thuộc quyền sở hữu nhà nước bị chiếm đoạt, chiếm giữ trái pháp luật nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo Điều 155 và Điều 160 Bộ luật Dân sự năm 2005 là không đúng quy định của pháp luật và không phù hợp thực tế khách quan, vì Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ được tổ chức quản lý, điều hành dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định tại chương V của Luật Doanh nghiệp, tiền cho vay là tiền huy động của cá nhân, tổ chức, không phải là tài sản của cổ đông Nhà nước. Tiền lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng là thu nhập từ hoạt động

cho vay của ngân hàng, lại càng không phải là tài sản của cổ đông Nhà nước. Chính vì vậy nên Ngân hàng N mới có quyền xóa nợ gốc, lãi và Ngân hàng C mới có quyền xem xét miễn, giảm lãi vay theo quy định. Việc Nhà nước nắm giữ trên 50% cổ phần của ngân hàng là để thực hiện quyền chi phối trong việc quản lý, điều hành ngân hàng theo Luật các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng. Nội dung tranh chấp là đòi tiền nợ lãi từ 01/01/2007 đến 30/12/2008 theo hợp đồng tín dụng ký năm 1992 đã tắt toán, không phải là bảo vệ quyền sở hữu, nên không thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu theo khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát đồng thời phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Toà án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của bị đơn Công ty X, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức (Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh) trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Kiểm sát viên trình bày và phân tích nội dung vụ án và Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS ngày 11/6/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức (Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh), đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn Công ty X, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức (Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh) được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273, 276, 278, 279, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: V1 khởi kiện yêu cầu Công ty X có nghĩa vụ thanh toán cho V1 số tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2007 đến 30/12/2008 còn nợ là 499.326.760 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của V1, buộc Công ty X trả cho V1 số tiền 499.326.760 đồng nên Công ty X kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức (Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh) kháng nghị.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty X và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4-Tây Ninh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng thời hiệu, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án thấy rằng:

[3.1] Vào ngày 23/3/1992 Công ty X ký kết hợp đồng tín dụng vay tiền của V1, ngày 30/12/2008 Công ty X đã trả hết vốn gốc, ngày 15/5/2009 Ngân hàng N ban hành Quyết định số 1166/QĐ-NHNN về xử lý nợ vay thanh toán công nợ; phần lãi được xử lý xóa nợ đến 31/12/2006; tiền lãi phát sinh giai đoạn 01/01/2007-30/12/2008 là 499.326.760 đồng theo tính toán của V1. Trong Biên bản làm việc ngày 16/7/2018 giữa V1 – CN6 và đại diện Công ty X xác nhận nội dung xóa lãi

đến 31/12/2006; các bên còn ý kiến khác nhau về lãi 2007–2008. Ngân hàng yêu cầu Công ty X thanh toán số tiền lãi phát sinh còn nợ là 499.326.760đồng, trong khi đó Công ty X cho rằng, Công ty đã thanh toán hết số nợ gốc và đã được xoá nợ toàn bộ tiền lãi. Cho đến thời điểm hiện nay nếu còn nợ thì cũng hết thời hiệu khởi kiện nên yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu.

[3.2] Căn cứ vào Quyết định số 1166/QĐ-NHNN ngày 15/5/2009 và Phụ lục về danh sách các doanh nghiệp có nợ vay thanh toán công nợ tại các Ngân hàng thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được xoá nợ của Ngân hàng N ban hành kèm theo thì Công ty X được xoá số tiền lãi 3.077.934.236đồng. Theo Điều 3 Quyết định số 1166/QĐ-NHNN ngày 15/5/2009 quy định “*Đối với số nợ lãi phát sinh từ số nợ gốc của các trường hợp được xoá nợ tại Điều 1, Điều 2 từ thời điểm 31/12/2006 đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực (nếu có); Ngân hàng N chi nhánh thành phố H thực hiện xoá nợ cho các ngân hàng thương mại trên địa bàn theo nguyên tắc nêu tại Điều 1, đồng thời chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn xoá nợ đối với các doanh nghiệp*”. Do số nợ gốc của Công ty X đến thời điểm ngày 31/12/2006 không được xử lý xoá nợ gốc vay thanh toán công nợ theo quy định tại Điều 2 nên Công ty X không phải là đối tượng được áp dụng Điều 3 Quyết định số 1166/QĐ-NHNN ngày 15/5/2009, vì vậy Ngân hàng N đã có Văn bản số 7828/NHNN-TD ngày 09/10/2023 xác định Công ty X được xoá số nợ lãi là phù hợp với Quyết định số 1166/QĐ-NHNN ngày 15/5/2009, vì vậy số nợ lãi của Công ty X được xác định còn lại là 499.326.760đồng. Tuy nhiên Công Bình T2 cho rằng đến thời điểm hiện tại khi Ngân hàng khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện đã hết. Vì vậy, cần xem xét từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả lãi từ năm 2008 đến khi nguyên đơn khởi kiện còn thời hiệu khởi kiện hay không.

[3.3] Về pháp luật áp dụng: theo quy định tại Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu tranh chấp về hợp đồng được áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015 mà không áp dụng văn bản luật có hiệu lực vào thời điểm xác lập giao dịch, vì vậy cần áp dụng Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 quy định thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Vụ án được thụ lý ngày 13/02/2025. Theo hồ sơ, tối thiểu từ năm 2018 các bên đã làm việc về khoản lãi 2007–2008; thậm chí V1 có nhiều văn bản yêu cầu thanh toán trong giai đoạn 2022–2024. Theo quy tắc chung, nếu không có căn cứ bắt đầu lại thời hiệu hoặc loại trừ thời hiệu, thì thời hiệu khởi kiện đến khi thụ lý vụ án đã hết.

[3.4] Về khoản tiền lãi V1 yêu cầu: vào thời điểm năm 2007–2008, V1 còn là doanh nghiệp nhà nước, lãi phát sinh là tài sản nhà nước vì V1 còn là doanh nghiệp nhà nước 100% vốn, tuy nhiên từ ngày 03/7/2009, V1 hoạt động theo Giấy phép của Ngân hàng N với tư cách ngân hàng thương mại cổ phần; Nhà nước là cổ đông chi phối, nhưng doanh nghiệp là pháp nhân độc lập, các khoản phải thu là tài sản của pháp nhân ngân hàng, không phải là tài sản công. Đối chiếu với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp năm 2014 phân định rõ: nhà nước là chủ sở hữu phần vốn tại doanh nghiệp; tài sản, công nợ và các khoản phải thu do doanh nghiệp tạo lập thuộc pháp nhân doanh nghiệp. Vì vậy, tại thời điểm khởi kiện (2025), “lãi, phí phải thu” là “tài sản của V1” và được hạch toán trên Báo cáo tài chính của ngân

hàng, không phải là tài sản công thuộc sở hữu trực tiếp của Nhà nước. Vì vậy không thuộc đối tượng áp dụng Điều 155 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định việc không áp dụng thời hiệu chỉ áp dụng cho yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu tài sản của chủ sở hữu (ở đây là Nhà nước) đối với tài sản công. Tranh chấp hiện tại là tranh chấp hợp đồng, cụ thể là nghĩa vụ trả lãi, không phải là yêu cầu đòi lại tài sản công thuộc sở hữu trực tiếp của Nhà nước. Vì vậy, không có căn cứ loại trừ thời hiệu theo Điều 155 Bộ luật Dân sự dựa trên lập luận “tài sản công”.

[3.5] Xem xét nội dung Đơn khiếu nại ngày 28/8/2023 của Công ty X thấy rằng: Văn bản mang tên “ĐƠN KHIẾU NẠI” gửi Thống đốc NHNN, nội dung nhằm phản đối yêu cầu trả lãi 499.326.760 đồng của V1 – CN6. Đây không phải là biên bản đối chiếu công nợ hay thư đề nghị thanh toán, với nội dung đơn trình bày chuỗi sự kiện 2018–2023; nhắc lại việc V1 thông báo Công ty còn nợ lãi 499.326.760 đồng; tuy nhiên Công ty X lập luận rằng theo Quyết định 1166/QĐ-NHNN ngày 15/5/2009, khoản lãi sau 31/12/2006 cũng phải được xử lý xóa; vì vậy Công ty “không đồng ý” với yêu cầu trả lãi. Với câu chốt của đơn: “*Kính đề nghị Thống đốc Ngân hàng N xem xét giải quyết: Bitex “không phải trả” khoản tiền lãi 499.326.760 đồng tính từ ngày 01/01/2007 đến 30/12/2008...*”. Câu chữ thể hiện rõ ràng là ý chí phủ nhận nghĩa vụ, không phải là thừa nhận nghĩa vụ. Đối chiếu Điều 157 Bộ luật Dân sự, văn bản không có nội dung cam kết trả, không đề nghị trả dần, không xác nhận còn nợ để xin miễn, giảm, mà chỉ khiếu nại, tức là đề nghị xác nhận “không phải trả”. Do đó văn bản không làm bắt đầu lại thời hiệu theo Điều 157 Bộ luật Dân sự. Đối với Biên bản làm việc ngày 16/7/2018 cũng không có nội dung thể hiện sự thừa nhận nợ từ phía bị đơn Công ty B, biên bản này cho đến khi phía nguyên đơn tiến hành làm đơn khởi kiện cũng không còn thời hiệu khởi kiện nên cũng không cần xem xét đến văn bản này.

[4] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm **xét** thấy kháng cáo của Công ty X về việc đã hết thời hiệu khởi kiện là có căn cứ, cần được chấp nhận; **hủy** bản án sơ thẩm và đình chỉ **giải quyết vụ án đối với** yêu cầu khởi kiện của V1 về khoản lãi 499.326.760 đồng do hết thời hiệu.

[5] Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức (Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh) là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí sơ thẩm, phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 155, Điều 157, Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015; điểm e khoản 1 Điều 217 và các Điều 92, 218, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh

nghiệp B3; Luật các Tổ chức tín dụng; Quyết định số 1166/QĐ-NHNN ngày 15/5/2009 của Thống đốc N1.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần X.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức (Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh).

Tuyên xử:

1. Huỷ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2025/KDTM-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An (Toà án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh) và đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C và Công ty Cổ phần X.

Về hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và án phí phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C và Công ty Cổ phần X không phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.286.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007442 ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Tây Ninh).

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007876 ngày 11/06/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Tây Ninh).

3. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 4-Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4-Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Phước Thanh – Đinh Tiên
Phương**

Lê Thị Kim Nga